TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Ông Huỳnh Tấn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyên K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về ph ần tài sản: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Số X đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1976; vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà X, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập : Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: Số nhà K đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:***

Bà H và ông Nguyễn Trường T tự nguyện tìm hiểu đi đến sống chung với nhau từ năm 2003 và đã đăng ký kết hôn ngày 05/02/2004 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho mỗi người, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông T có 02 con là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23/9/2003 và Nguyễn Đoàn N, sinh ngày 17/10/2013. Hiện nay cháu Y đã trên 18 tuổi, đã đi làm tự nuôi bản thân nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến 18 tuổi, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng đã tạo lập được khối tài sản chung, gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 98,19m^2; 01 nhà kho có diện tích 11,4m^2; 01 mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 25,01m^2; 01 sân nền xi măng diện tích 50,05m^2 đều được làm năm 2014 nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m. Đối với diện tích đất 300m^2 này thì bà H không yêu cầu chia, vì nguồn gốc diện tích đất 300m^2 của cụ Nguyễn Đình C (cụ C là bố đẻ ông T) cho riêng ông Nguyễn Trường T.

+ 01 giếng khoan sâu 65m;

+ 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014;

+ 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014;

+ 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

- Về nợ chung: Ngày 10/10/2014, vợ chồng bà H và ông T có vay của bà Đoàn Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng để xây nhà năm 2014.

Khi ly hôn bà H đề nghị Tòa án chia tài sản chung, trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà theo quy định pháp luật.

**** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trường T trình bày:***

Ông T thống nhất ý kiến của bà Đoàn Thị H trình bày về mối quan hệ hôn nhân, con chung là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23/9/2003 và Nguyễn Đoàn N, sinh ngày 17/10/2013; về tài sản chung gồm có:

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 98,19m^2; 01 nhà kho có diện tích 11,4m^2; 01 mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 25,01m^2; 01 sân nền xi măng diện tích 50,05m^2 đều được làm năm 2014 nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp

đất ông C dài 30m. Đối với diện tích đất 300m^2 này thì có nguồn gốc của bố ông T là cụ Nguyễn Đình C cho riêng ông Nguyễn Trương T nên đây là tài sản riêng của ông T.

+ 01 giếng khoan sâu 65m;

+ 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014;

+ 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014;

+ 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

Nay ý kiến của ông T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà Đoàn Thị H;

- Về con chung: Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án chia mỗi người được hưởng ½ giá trị.

- Về nợ chung: Ông T không đồng ý với ý kiến bà H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có vay của bà Đoan Thị T 100.000.000 đồng, mà ông T cho rằng số tiền này bà H tự vay riêng để chi tiêu cá nhân nên ông T không đồng ý cùng bà H trả nợ số tiền này, bà H vay của bà T1 thì bà H phải trả cho bà T1.

**** Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đoàn Thị T1 trình bày:***

Vào ngày 10/10/2014, bà T1 có cho vợ chồng ông T, bà H mượn số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm (đến ngày 10/10/2015); việc vay mượn thể hiện tại Giấy mượn tiền có chữ ký, viết của vợ chồng ông Nguyễn Trương T, bà Đoàn Thị H; mục đích ông T, bà H mượn tiền của bà T1 là để xây nhà; sau khi hết thời hạn vay thì bà T1 đã đòi nhiều lần nhưng từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông T, bà H chưa trả số tiền này cho bà Nay vợ chồng ông T, bà H ly hôn thì bà T1 đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà H trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Về lãi suất bà T1 không yêu cầu tính lãi.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:***

- Về trình tự thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn bà Đoàn Thị H và người liên quan có yêu cầu độc lập bà Đoàn Thị T1 đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Trường T không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cho bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trường T.

+ Về con chung: Ông T, bà H có 02 con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23/9/2003 và Nguyễn Đoàn N, sinh ngày 17/10/2013. Hiện nay cháu Y đã

trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét không đặt ra xem xét; còn đối với cháu N đã 10 tuổi hiện đang ở cùng bà H và có nguyện vọng ở với mẹ, bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đến 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

+ Về tài sản chung: Các đương sự đều thừa nhận trong thời kỳ chung sống vợ chồng có tạo lập các tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 98,19m^2; 01 nhà kho có diện tích 11,4m^2; 01 mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 25,01m^2; 01 sân nền xi măng diện tích 50,05m^2 đều được làm năm 2014 nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m. Đối với diện tích đất 300m^2 này thì có nguồn gốc của bố ông T là cụ Nguyễn Đình C cho riêng ông Nguyễn Trường T nên đây là tài sản riêng của ông T; 01 giếng khoan sâu 65m; 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu Pan asonic 8kg mua năm 2014; 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

Tổng giá trị là 185.247.000 đồng.

Xét thấy hiện nay ông Nguyễn Trường T đang trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản này nên cần giao cho ông T toàn quyền định đoạt, sử dụng những tài sản này. Ông Nguyễn Trường T có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà Đoàn Thị H 92.623.500 đồng.

Về nợ chung: Tại Giấy mượn tiền ngày 10/10/2014 ông T, bà H có ký nhận người mượn tiền với số tiền 100.000.000 đồng và tại Kết luận giám định số 171/PC09 ngày 20/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Trường T tại Giấy mượn tiền ngày 10/10/2014. Do đó, vợ chồng ông T, bà H có mượn tiền của bà Đoàn Thị T1 vào ngày 10/10/2014. Vì là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nay ông bà ly hôn nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị T 1 số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp. Về lãi suất bà T1 không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đoàn Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trường T. Đây là quan hệ *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*. Bị đơn ông Nguyễn Trường T cư trú tại số nhà X, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trường T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Trường T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2004 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Trường T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng bà Đoàn Thị H, ông Nguyễn Trường T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, ông bà đã sống ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Trường T đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị H là phù hợp.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống ông T, bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23/9/2003 và Nguyễn Đoàn N, sinh ngay 17/10/2013. Hiện nay cháu Y đã trên 18 tuổi có khả năng lao động, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu N mới 10 tuổi; xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N hiện đang ở với bà H, ông T thường xuyên đi làm xa nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị H, giao cháu Nguyễn Đoàn N cho bà Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng đã tạo lập được khối tài sản chung, gồm:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền ốp gạch Ceram ic, móng xây đá hộc, diện tích 98,19m^2 xây năm 2014; 01 nhà kho mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch, diện tích 11,4m^2 xây năm 2014; 01 mái che khung sắt, mái lợp tôn, diện tích 25,01m^2 làm 2014; 01 sân nền xi măng, diện tích 50,05m^2 làm năm 2014; 01 giếng sâu 65m đều nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m.

- 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014; 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

Tổng giá trị tài sản vợ chồng bà H, ông T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 185.247.000 đồng. Do là tài sản chung vợ chồng nên chia cho bà H và ông T mỗi người được hưởng là: 185.247.000 đồng : 2 = 92.623.500 đồng.

Xét thấy tài sản chung của vợ chồng bà H, ông T là nhà và các tài sản khác trên đất hiện nay ông T đang trực tiếp quản lý, sinh sống nên cần giao cho ông Nguyễn Trường T tiếp tục quản lý, sử dụng, định đoạt: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 98,19m^2; 01 nhà kho có diện tích 11,4m^2; 01 mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 25,01m^2; 01 sân nền xi măng diện tích 50,05m^2 đều được làm năm 2014 nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m; 01 giếng khoan sâu 65m; 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014; 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014. Tổng giá trị là 185.247.000 đồng.

Ông Nguyễn Trường T có trách nhiệm bù giá trị chênh lệch tài sản cho bà Đoàn Thị H là 92.623.500 đồng.

Đối với diện tích đất 300m^2 này có nguồn gốc của bố ông T là cụ Nguyễn Đình C cho riêng ông Nguyễn Trường T, vì vậy đây là tài sản riêng của ông T nên tạm giao cho ông Nguyễn Trường T diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m.

[6]. Về nợ chung: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H thừa nhận ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đoàn Thị T1 cho rằng ngày 10/10/2014 vợ chồng ông Nguyễn Trường T, bà Đoàn Thị H có vay của bà 100.000.000 đồng để làm nhà và vợ chồng ông T, bà H có ký, viết giấy mượn tiền; thời hạn vay 1 năm; tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà T1 đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà H chưa trả cho bà ; còn bị đơn ông Nguyễn Trường T không thừa nhận vay số tiền này mà ông cho rằng bà H vay tiền của bà T1 để tiêu xài riêng nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền 100.000.000 đồng.

Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Trường T không thừa nhận có vay của bà T1 số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 10/10/2014 là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại Giấy mượn tiền ngày 10/10/2014 ông T, bà H có ký nhận người mượn tiền với số tiền 100.000.000 đồng và tại Kết luận giám định số 171/PC09 ngày 20/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Trường T tại Giấy mượn tiền ngày 10/10/2014; đồng thời bà H là vợ ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông T, bà H có mượn tiền của bà T1 để xây nhà vào năm 2014. Do đó, có cơ sở xác định ông T, bà H có mượn tiền của bà Đoàn Thị T1 vào ngày 10/10/2014. Vì là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nay ông bà ly hôn nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp. Về lãi suất bà T1 không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí và chi phí tố tụng khác

- Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản hết 3.000.000 đồng. Bà Đoàn Thị H phải chịu 1.500.000 đồng, ông Nguyễn Trường T phải chịu 1.500.000 đồng. Tổng số tiền này bà H đã nộp tại Tòa án theo Phiếu thu ngày 14/7/2020 nên ông T phải trả lại cho bà H số tiền 1.500.000 đồng.

- Về chi phí giám định chữ ký hết 5.040.000 đồng. Bà Đoàn Thị H phải chịu 2.520.000 đồng, ông Nguyễn Trường T phải chịu 2.520.000 đồng. Tổng số tiền này bà T1 đã nộp tại Tòa án theo Phiếu thu ngày 03/3/2020 nên ông T, bà H mỗi người phải trả lại cho bà T1 số tiền 2.520.000 đồng.

- Về án phí:

+ Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, khấu trừ số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3656 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung có giá ngạch 7.131.175 đồng. Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3657 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana , tỉnh Đắk Lắk; bà H còn phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch là 5.631.175 đồng.

+ Ông Nguyễn Trường T phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung có giá ngạch 7.131.175 đồng.

+ Do yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đoàn Thị T1 được chấp nhận nên bà Đoàn Thị T1 không phải chịu án phí có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền 2.500.000 đồng mà bà T1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3694 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành á n dân sự huyện Krông Ana , tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165, Điều 241, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đoàn Thị T1.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trường T.

[2.2] Về con chung:

- Giao cho bà Đoàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Đoàn N, sinh ngày 17/10/2013 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trường T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông T, bà H tạo lập được khối tài sản chung, gồm:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền ốp gạch Ceram ic, móng xây đá hộc, diện tích 98,19m^2 xây năm 2014; 01 nhà kho mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch, diện tích 11,4m^2 xây năm 2014; 01 mái che khung sắt, mái lợp tôn, diện tích 25,01m^2 làm 2014; 01 sân nền xi măng, diện tích 50,05m^2 làm năm 2014; 01 giếng sâu 65m đều nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m.

- 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014; 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

Tổng giá trị tài sản vợ chồng bà H, ông T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 185.247.000 đồng.

[2.3.1]. Giao cho ông Nguyễn Trường T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với: 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền ốp gạch Ceramic, móng xây đá hộc, diện tích 98,19m^2 xây năm 2014; 01 nhà kho mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch, diện tích 11,4m^2 xây năm 2014; 01 mái che khung sắt, mái lợp t ôn, diện tích 25,01m^2 làm 2014; 01 sân nền xi măng, diện tích 50,05m^2 làm năm 2014; 01 giếng sâu 65m đều nằm trên diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m.

- 01 Tivi Samsung 32 inch mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu Panasonic 8kg mua năm 2014; 01 tủ tường, gỗ ván ép rộng 0,5m, dài 2,7m mua năm 2014.

Tổng giá trị tài sản vợ chồng bà H, ông T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 185.247.000 đồng.

Ông Nguyễn Trường T có trách nhiệm bù giá trị chênh lệch tài sản cho bà Đoàn Thị H là 92.623.500 đồng (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tạm giao cho ông Nguyễn Trường T diện tích đất 300m^2 của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04; có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L, bà X dài 10m; phía Tây giáp đất ông C dài 10m; phía Nam giáp đất ông C dài 30m; phía Bắc giáp đất ông C dài 30m.

[2.4]. Về nợ chung: Buộc nguyên đơn bà Đoàn Thị H, bị đơn ông Nguyễn Trường T mỗi người phải trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí; chi phí thẩm định, định giá và giám định chữ ký:

- Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản hết 3.000.000 đồng. Bà Đoàn Thị H phải chịu 1.500.000 đồng, ông Nguyễn Trường T phải chịu 1.500.000 đồng. Tổng số tiền này bà H đã nộp tại Tòa án theo Phiếu thu ngày 14/7/2020 nên ông T phải trả lại cho bà H số tiền 1.500.000 đồng.

- Về chi phí giám định chữ ký hết 5.040.000 đồng. Bà Đoàn Thị H phải chịu 2.520.000 đồng, ông Nguyễn Trường T phải chịu 2.520.000 đồng. Tổng số tiền này bà T1 đã nộp tại Tòa án theo Phiếu thu ngày 03/3/2020 nên ông T, bà H mỗi người phải trả lại cho bà T1 số tiền 2.520.000 đồng.

- Về án phí:

+ Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, khấu trừ số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3656 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung có giá ngạch 7.131.175 đồng. Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3657 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk; bà H còn phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch là 5.631.175 đồng.

+ Ông Nguyễn Trường T phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung có giá ngạch 7.131.175 đồng.

+ Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền 2.500.000 đồng mà bà T1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 3694 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- UBND xã Dray Sáp;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thành